

Số: 159/2022/QĐST-HNGĐ

N, ngày 20 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 276/2022/TLST-HN ngày 25 tháng 5 năm 2022. Về việc “Xin ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L** sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 190, Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường T, quận N, thành phố C.

Địa chỉ liên hệ: Tổ 15, ấp H, xã H, huyện V, tỉnh V.

Bị đơn: Ông **Bùi Thanh Sơn** sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 190, Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường T, quận N, thành phố C.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị L và ông Bùi Thanh S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Bùi Thanh S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông bà thống nhất có 02 con chung Bùi Thị Lan A (nữ) sinh ngày 05/12/1997 đã trưởng thành và Bùi Thị Anh Th (nữ) sinh ngày 24/11/2005. Sau ly hôn ông bà thống nhất giao con chung Bùi Thị Anh Th cho ông Bùi Thanh

S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà Nguyễn Thị L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Nguyễn Thị L không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung*: Ông bà thống nhất tài sản chung của vợ chồng gồm nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 2706, tờ bản đồ 02, diện tích sử dụng 45,2m², tọa lạc tại khu vực Thanh Phú, phường Ph, quận C, thành phố C, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H03487 do UBND quận C cấp ngày 06/11/2008 cho ông Bùi Thanh S có tổng giá trị là 266.710.000 đồng. Ông bà thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản chung như sau: Ông Bùi Thanh S nhận toàn bộ nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 2706, tờ bản đồ 02, diện tích sử dụng 45,2m², tọa lạc tại khu vực Thanh Phú, phường Ph, quận C, thành phố C, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H03487 do UBND quận C cấp ngày 06/11/2008 cho ông Bùi Thanh S. Ông Bùi Thanh S có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền 130.000.000 đồng (*Một trăm, ba mươi triệu đồng*) từ ngày có quyết định.

Khi ông Bùi Thanh S thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên cho bà Nguyễn Thị L, ông Bùi Thanh S được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất riêng theo quy định pháp luật. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng cho ông Bùi Thanh S theo quy định pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- *Về nợ chung*: Ghi nhận lời trình bày của đương sự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Bà Nguyễn Thị L và ông Bùi Thanh S, mỗi người phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.500.000 đồng (*Sáu triệu, năm trăm nghìn đồng*). Bà Nguyễn Thị L đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*). Ông Bùi Thanh S có

nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 6.500.000 đồng (*Sáu triệu, năm trăm nghìn đồng*).

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000547 ngày 13/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố C. Bà Nguyễn Thị L được nhận lại 225.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí chia tài sản chung là 3.250.000 đồng (*Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000715 ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố C. Bà Nguyễn Thị L được nhận lại 4.250.000 đồng (*Bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ông Bùi Thanh S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) và án phí chia tài sản chung là 3.417.750 đồng (*Ba triệu, bốn trăm mười bảy nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận N;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận N;
- UBND phường T (An H cũ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Mỹ Tr